

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 15/2023/HC-ST

Ngày 22/6/2023

Vụ án: “Khiếu kiện Quyết định hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trần Hiếu

Ông Lê Thuận Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Lương Sơn Bá - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 22 tháng 6 năm 2023, **Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ** xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HC ngày 27 tháng 02 năm 2023 về “Khiếu kiện Quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Trương Tấn V**, sinh năm 1943

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Hoàng P**, sinh năm 1979

Cùng cư trú số 52, **tổ F, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.**

- Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** – Phó Chủ tịch

Trụ sở tại **ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Thanh H** – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường **huyện P, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Phần trình bày của người khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022 và trong quá trình tố tụng như sau:

Năm 1975, người khởi kiện được cha mẹ cho phần đất để cất nhà ở và canh tác. Đến ngày 15/11/1995, người khởi kiện được **Ủy ban nhân dân thành phố C**, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 với tổng diện tích là 15.514m² thuộc tờ bản đồ số 05, vị trí đất tại **ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ, tỉnh**

Cần Thơ - nay là ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ gồm thửa đất số 172 có diện tích sử dụng là 2.156m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 179 có diện tích sử dụng 10.442m², loại đất ruộng, thửa đất số 183 có diện tích sử dụng 1.616m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 210 có diện tích sử dụng 1.300m², loại đất ruộng.

Năm 2016, người khởi kiện biết được Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố C quy định hạn mức đất ở đối với thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 mà trong các loại giấy tờ không ghi rõ diện tích đất ở thì được xem xét công nhận diện tích đất ở nên có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ để được xem xét, công nhận diện tích đất ở theo quyết định trên. Ngày 29/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ trả lời bằng Công văn số 384/UBND-NC rằng “Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND chỉ điều chỉnh đối tượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và có hiệu lực thi hành ngày 27/8/2005. Trường hợp ông Trương Tấn V đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 15/11/1995 nên yêu cầu công nhận đất thổ cư không thu tiền quyền sử dụng đất tại thửa đất số 183 là không có cơ sở xem xét”.

Đến tháng 4 năm 2022, người khởi kiện biết thêm Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 quy định hạn mức đất ở đối với thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố C nên tiếp tục gửi đơn đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ yêu cầu xem xét công nhận đất thổ cư theo Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005 và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Ngày 03/10/2022, người khởi kiện nhận được Thông báo số 55/TB-CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ thông báo trả hồ sơ với lý do “không đủ cơ sở xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Tấn V tại thửa đất số 83, diện tích 1.616m² là trái quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 1993”. Ngày 04/10/2022, tôi khiếu nại đến Ban tiếp dân của Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ. Ngày 01/11/2022, người khởi kiện nhận được Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ có nội dung “việc ông Trương Tấn V viện dẫn Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc quy định hạn mức đất ở giao cho mỗi gia đình, cá nhân và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao trên địa bàn thành phố Cần Thơ điều chỉnh đối tượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và có hiệu lực thi hành ngày 05/12/2014 đến ngày 27/8/2005. Trường hợp của ông

Trương Tấn V đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lần đầu vào ngày 15/11/1995” nên yêu cầu được điều chỉnh đất thổ cư không thu tiền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét”.

Nay, người khởi kiện yêu cầu:

Một là, hủy Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ;

Hai là, công nhận cho người khởi kiện có diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/11/1995 theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Căn cứ pháp lý để yêu cầu hủy là người khởi kiện đã có nhà ở trên thửa đất số 183 từ năm 1975, nộp thuế đầy đủ hàng năm từ năm 1992 đến nay mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/11/1995 lại không thể hiện diện tích đất ở của gia đình nên thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Phần trình bày của người bị kiện:

Ý kiến đối với yêu cầu công nhận diện tích đất ở cho người khởi kiện theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C:

Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C có hiệu lực ngày 05/12/2014 và áp dụng cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Người khởi kiện đã được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 vào ngày 15/11/1995 nên không phải là trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 183 thuộc tờ bản đồ số 05 có nhà ở trên đất theo đo đạc chính quy 302 là thửa đất số 197 và thửa đất số 199 thuộc tờ bản đồ số 03 đã bị ảnh hưởng bởi dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (có Thông báo thu hồi đất số 3551/TB-UBND ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ nên yêu cầu công nhận diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 là không có cơ sở xem xét.

Phần phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Tại Công văn số 452/UBND-NC ngày 03/3/2023, Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ kết luận ông **Trương Tấn V** đã được cơ quan có thẩm quyền

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 (lần đầu) vào ngày 15/11/1995 tại thửa đất số 183, tờ bản đồ 05, vị trí đất tại **ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ** bị ảnh hưởng bởi Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ đã có thông báo thu hồi đất số 3551/TB-UBND ngày 11/8/2022 của **Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ**. Vì vậy, yêu cầu công nhận diện tích đất ở theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của **Ủy ban nhân dân thành phố C** là không có cơ sở giải quyết.

Ông **Trương Tấn V** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 (lần đầu) vào ngày 15/11/1995 với tổng diện tích 15.514m² gồm nhiều thửa đất; trong đó có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.616m², loại đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà ở.

Căn cứ Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 của **Ủy ban nhân dân thành phố C** quy định hạn mức đất ở đối với thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004.

Năm 2016, ông **Trương Tấn V** có nhu cầu được chuyển mục đích sang đất ở theo quy định của Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 của **Ủy ban nhân dân thành phố C** nhưng không được giải quyết kịp thời.

Đến tháng 4/2022, ông **Trương Tấn V** tiếp tục căn cứ vào Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của **Ủy ban nhân dân thành phố C** quy định hạn mức đất ở đối với thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 thay thế Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 của **Ủy ban nhân dân thành phố C** để tiếp tục xin chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở mà không phải nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không được xem xét.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 183, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.616m², loại đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà ở là không đúng quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 1993 vì trên đất đã có nhà ở; vi phạm về thẩm quyền giao đất được quy định tại Điều 59 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 2 của Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, việc **Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ** không chấp nhận yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất không phải thu tiền là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, yêu cầu của ông **Trương Tấn V** về việc hủy Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01/11/2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ** là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông **Trương Tấn V**.

Phần trình bày quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện kiện:

Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của **Ủy ban nhân**

dân thành phố C chỉ điều chỉnh đối với trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi loại đất chung chung giữa đất ở và đất trồng cây lâu năm. Còn trường hợp của người khởi kiện là đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định số 182014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của **Ủy ban nhân dân thành phố C**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

Người khởi kiện ông **Trương Tấn V** yêu cầu hủy Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện P**, thành phố Cần Thơ và yêu cầu được công nhận cho người khởi kiện có diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 do **Ủy ban nhân dân thành phố C**, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/11/1995 theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của **Ủy ban nhân dân thành phố C**. Yêu cầu khởi kiện này là khiếu kiện về quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Sau khi nhận được Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện P**, thành phố Cần Thơ, ngày 15 tháng 11 năm 2022, người khởi kiện ông **Trương Tấn V** có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ là còn trong thời hiệu khởi kiện 01 năm kể từ ngày nhận được quyết định hành chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết:

Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện P**, thành phố Cần Thơ là khiếu kiện quyết định hành chính của người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước cấp huyện ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về việc hủy Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện P**, thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Văn bản số 4322):

Văn bản số 4322 không chấp nhận yêu cầu điều chỉnh đất thổ cư không thu tiền quyền sử dụng đất tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 do **Ủy ban nhân dân thành phố C**, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/11/1995 của người khởi kiện vì cho rằng người khởi kiện đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là người chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đối tượng điều chỉnh của Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ còn cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 đã được cấp đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện có liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02321 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/11/1995 nên trong quá trình giải quyết, Tòa án sẽ xem xét đến tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có đúng quy định pháp luật về đất đai hay không để làm căn cứ xét yêu cầu khởi kiện.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện là năm 1995 nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đất đai năm 1993. Tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 1993 quy định: “căn cứ vào quỹ đất đai của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức đất mà mỗi hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng để ở theo quy định của Chính phủ đối với từng vùng nhưng không quá 400m²; đối với những nơi có tập quán nhiều thế hệ cùng chung sống trong mỗi hộ hoặc có điều kiện tự nhiên đặc biệt thì mức đất có thể cao hơn, nhưng tối đa không vượt quá hai lần mức quy định đối với vùng đó.

Năm 1995, Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312, có thửa đất số 183, diện tích 1.616m², loại đất trồng cây lâu năm trong khi gia đình người khởi kiện đã có nhà ở từ năm 1975, có nộp thuế nhà đất từ năm 1992 là không đúng quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 1993. Điều này làm mất quyền lợi của người đang sử dụng đất hợp pháp đã được luật đất đai bảo vệ. Tuy trong đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người khởi kiện kê khai loại đất là đất trồng cây lâu năm và đất ruộng nhưng thẩm quyền xác định loại đất là thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, không phải của công dân. Vì vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 chỉ đúng về trình tự, thủ tục nhưng lại không đúng về nội dung ban hành. Đối chiếu với điểm đ khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 đã cấp là không đúng mục đích sử dụng đất từ ban đầu – ngay từ thời điểm cấp vào ngày 15/11/1995. Như vậy yêu cầu được công nhận diện tích đất ở của người khởi kiện theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Ngày 11/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ đã ra Thông báo thu hồi đất số 3551/TB-UBND để thu hồi đất đối với thửa đất số 183, diện tích 1.616m², loại đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 của người khởi kiện để thực hiện Dự án Đường vành đai phía Tây thành

phố Cần Thơ nên việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 để điều chỉnh chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm sang đất ở là không thực hiện được. Vì vậy, diện tích đất ở được xác định theo quy định của Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C được xác định khi thực hiện kiểm kê đất và tài sản trên đất khi thực hiện thu hồi đất để người khởi kiện được hưởng các chính sách bồi thường, hỗ trợ, xem xét tái định cư (nếu có).

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Tuyên án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương Tấn V.

Hủy Văn bản số 4322/UBND-NC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ công nhận diện tích đất ở trên thửa đất số 183, thuộc tờ bản đồ số 05 theo đo đạc chính quy 302 là thửa đất số 197 và thửa đất số 199, thuộc tờ bản đồ số 03 theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 (thay thế cho Quyết định số 55/2005/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2005) của Ủy ban nhân dân thành phố C khi thực hiện kiểm kê đất, tài sản trên đất để đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện được hưởng các chính sách khi thu hồi đất thực hiện Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: người bị kiện phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 22/6/2023 để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Cục THADS Tp. Cần Thơ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Trang